

BIỂU SỐ 02/2019
Thống kê thực hành quyền công tố và kiểm sát
việc khởi tố, điều tra, truy tố các vụ án hình sự

- **Dòng 1 (Số vụ, việc VKS yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu, chứng cứ để kiểm sát việc khởi tố):** thống kê số vụ, việc VKS yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cung cấp tài liệu, chứng cứ để kiểm sát việc khởi tố trong kỳ thống kê (khoản 4 Điều 166 BLTTHS).

- **Dòng 2 (Số vụ án VKS hủy bỏ quyết định khởi tố):** thống kê số vụ án VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự của cơ quan có thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 3 (Số người VKS hủy bỏ quyết định khởi tố bị can):** thống kê số người VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can của CQĐT trong kỳ thống kê.

- **Dòng 4 (Số người VKS có văn bản yêu cầu CQĐT, cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra tiếp tục cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ để xét phê chuẩn quyết định khởi tố bị can):** thống kê số người VKS xét thấy chưa đủ căn cứ để phê chuẩn và có văn bản yêu cầu CQĐT tiếp tục bổ sung tài liệu, chứng cứ để làm căn cứ phê chuẩn quyết định khởi tố bị can của CQĐT trong kỳ thống kê.

- **Dòng 5 (Số vụ án VKS yêu cầu CQĐT hủy bỏ quyết định khởi tố):** thống kê số vụ án VKS có văn bản yêu cầu CQĐT ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 6 (Số vụ án yêu cầu hủy bỏ thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố):** phân tổ theo số vụ án VKS yêu cầu CQĐT hủy bỏ QĐ khởi tố thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của CQĐT của Dòng 5.

- **Dòng 7 (Số người VKS yêu cầu CQĐT hủy bỏ QĐ khởi tố bị can):** thống kê số người VKS yêu cầu CQĐT hủy bỏ QĐ khởi tố bị can do việc khởi tố bị can của CQĐT không có căn cứ hoặc trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 8 (Số vụ án CQĐT đã hủy bỏ quyết định khởi tố theo yêu cầu của VKS):** thống kê số vụ án CQĐT ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án theo yêu cầu của VKS, bao gồm cả trường hợp VKS đã yêu cầu CQĐT hủy bỏ ở kỳ thống kê trước nhưng kỳ thống kê này CQĐT mới ra quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án.

- **Dòng 9/ 10 (Số vụ án/ Số bị can VKS hủy bỏ quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định thay đổi quyết định khởi tố hoặc quyết định bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can trong kỳ thống kê.

- **Dòng 11 (Số bị can VKS phê chuẩn quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố):** thống kê số bị can VKS có quyết định phê chuẩn quyết định thay đổi hoặc quyết định bổ sung quyết định khởi tố bị can của CQĐT trong kỳ thống kê.

- **Dòng 12/13 (Số vụ án/ Số bị can VKS yêu cầu CQĐT thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS có văn bản yêu cầu CQĐT ra quyết định thay đổi hoặc bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can trong kỳ thống kê.

- **Dòng 14/15 (Số vụ án/ Số bị can CQĐT đã thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án theo yêu cầu của VKS):** thống kê số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can theo yêu cầu của VKS bao gồm cả trường hợp VKS đã yêu cầu CQĐT thay đổi, bổ sung ở kỳ thống kê trước nhưng kỳ thống kê này CQĐT mới ra quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, bị can.

- **Dòng 16 (Số vụ, việc CQĐT ra quyết định không khởi tố):** thống kê số vụ, việc CQĐT ra quyết định không khởi tố vụ án hình sự phát sinh trong kỳ thống kê.

- **Dòng 17 (Số vụ, việc VKS yêu cầu hủy bỏ QĐ không khởi tố):** thống kê số vụ, việc thông qua hoạt động kiểm sát mà VKS đã xác định đủ yếu tố cấu thành tội phạm nhưng CQĐT lại ra QĐ không khởi tố vụ án hình sự (QĐ không khởi tố vụ án hình sự là trái pháp luật).

- **Dòng 18 (Số vụ, việc CQĐT chấp nhận và ban hành QĐ khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của VKS):** phân tổ số vụ, việc CQĐT chấp nhận theo yêu cầu của VKS của Dòng 17.

- **Dòng 19 (Số vụ, việc yêu cầu hủy bỏ thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố):** phân tổ theo số vụ, việc VKS yêu cầu CQĐT hủy bỏ QĐ không khởi tố vụ án hình sự thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của Dòng 17.

- **Dòng 20 (Số vụ, việc VKS hủy bỏ quyết định không khởi tố):** thống kê số vụ, việc VKS ra quyết định hủy bỏ quyết định không khởi tố vụ án hình sự (quyết định không khởi tố vụ án hình sự có thể được ban hành trong kỳ thống kê hoặc ở các kỳ thống kê trước).

- **Dòng 21 (Do VKS cấp trên hủy bỏ):** phân tổ do VKS hủy bỏ của Dòng 20.

- **Dòng 22 (Số vụ, việc hủy bỏ thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố):** phân tổ theo số vụ, việc VKS hủy bỏ QĐ không khởi tố vụ án hình sự của CQĐT thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của Dòng 20.

- **Dòng 23/ 25 (Số vụ án/ Số bị can VKS khởi tố yêu cầu CQĐT điều tra):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS ra quyết định khởi tố yêu cầu CQĐT điều tra trong kỳ thống kê.

- **Dòng 24 (Số thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố):** phân tổ theo số vụ án VKS ban hành QĐ khởi tố vụ án hình sự, yêu cầu CQĐT điều tra thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố tại Dòng 23.

- **Dòng 26/ 27 (Số vụ án/ Số bị can VKS thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố):** thông kê số vụ án/ số bị can VKS ra quyết định thay đổi, bổ sung quyết định khởi tố vụ án, quyết định khởi tố bị can của CQĐT trong kỳ thống kê.

- **Dòng 28/ 30 (Số vụ án/ Số người VKS yêu cầu CQĐT khởi tố):** thông kê số vụ án/ số người VKS có văn bản yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án, bị can trong kỳ thống kê.

- **Dòng 29 (Số thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố):** phân tổ theo số vụ án VKS yêu cầu CQĐT khởi tố vụ án hình sự thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của Dòng 28.

- **Dòng 31/ 33 (Số vụ án/ Số bị can CQĐT đã khởi tố theo yêu cầu của VKS):** thông kê số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định khởi tố vụ án, bị can theo yêu cầu của VKS, bao gồm cả trường VKS đã có văn bản yêu cầu khởi tố ở kỳ thống kê trước nhưng kỳ thống kê này CQĐT mới ra quyết định khởi tố vụ án/ khởi tố bị can.

- **Dòng 32 (Số thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố):** phân tổ theo số vụ án CQĐT đã ban hành QĐ khởi tố vụ án hình sự theo yêu cầu của VKS thông qua kiểm sát việc giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố của Dòng 31.

- **Dòng 34 (Số bản yêu cầu điều tra của VKS):** thông kê số bản VKS đề ra các yêu cầu điều tra để làm rõ tội phạm, người phạm tội trong kỳ thống kê.

- **Dòng 35 (Số vụ án CQĐT không thực hiện yêu cầu điều tra hoặc thực hiện không đầy đủ yêu cầu điều tra, sau đó phải trả hồ sơ để điều tra bổ sung):** phân tổ theo số vụ án của Dòng 34.

- **Dòng 36/ 54 (Số lần VKS tham gia/ Số lần VKS trực tiếp lấy lời khai của người bị bắt, tạm giữ, người làm chứng, người bị hại...):** thông kê số lần Kiểm sát viên tham gia cùng người có thẩm quyền (Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên...) lấy lời khai người bị bắt, tạm giữ, người làm chứng, người bị hại... theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- **Dòng 37 (Số lần VKS đã tham gia 7 hoạt động điều tra bắt buộc của KSV):** thông kê số lần Kiểm sát viên tham gia 7 hoạt động điều tra bắt buộc (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đo chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, khám xét, thực nghiệm điều tra) theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- **Dòng 38/ 39/ 40/ 41/ 42/ 43/ 44 (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, khám xét, thực nghiệm điều tra):** phân tổ 7 hoạt động điều tra mà KSV tham gia bắt buộc của Dòng 37.

- **Dòng 45 (Số lần VKS không tham gia 7 hoạt động điều tra bắt buộc của KSV):** thống kê số lần Kiểm sát viên không tham gia 7 hoạt động điều tra bắt buộc (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, khám xét, thực nghiệm điều tra) theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

- **Dòng 46/ 47/ 48/ 49/ 50/ 51/ 52 (khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi, đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, khám xét, thực nghiệm điều tra):** phân tổ 7 hoạt động điều tra mà không KSV tham gia bắt buộc của Dòng 45.

- **Dòng 53/ 55 (Số lần VKS tham gia/ Số lần VKS trực tiếp hỏi cung bị can):** thống kê số lần Kiểm sát viên cùng người có thẩm quyền (Thủ trưởng, Phó Thủ trưởng, Điều tra viên...) tham gia và trực tiếp hỏi cung bị can theo quy định của pháp luật.

- **Dòng 56 (Số người bị bắt trong kỳ thống kê):** thống kê tổng số người bị bắt trong kỳ thống kê.

- **Dòng 57/ 58/ 59/ 60/ 61/ 62/ 63 (Trong đó: Bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp/ Bắt người phạm tội quả tang/ Bắt người đang bị truy nã/ Bắt bị can để tạm giam/ Bắt người bị yêu cầu yêu cầu dẫn độ/ Do người phạm tội đầu thú/ Do người phạm tội tự thú):** thống kê theo các trường hợp bắt cụ thể gồm: Bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp/ Bắt người phạm tội quả tang/ Bắt người đang bị truy nã/ Bắt bị can để tạm giam/ Bắt người bị yêu cầu dẫn độ/ Bắt người trong trường hợp đầu thú/ Bắt người trong trường hợp tự thú trong tổng số người bị bắt trong kỳ thống kê.

- **Dòng 64 (Số người bị tạm giữ có người bào chữa):** thống kê số người bị tạm giữ có người bào chữa trong kỳ thống kê.

- **Dòng 65 (Số bị can VKS phê chuẩn lệnh tạm giam):** thống kê số bị can VKS phê chuẩn lệnh tạm giam trong kỳ thống kê.

- **Dòng 66 (Số bị can bị tạm giam có người bào chữa):** thống kê số bị can bị tạm giam có người bào chữa trong kỳ thống kê.

- **Dòng 67/ 68/ 69 (Luật sư, bào chữa viên nhân dân, trợ giúp viên pháp lý):** phân tổ theo người bào chữa của Dòng 66.

- **Dòng 70 (Số người bị bắt giữ được trả tự do chuyển xử lý hành chính):** thống kê số người được trả tự do có quyết định xử lý hành chính trong kỳ thống kê (tính cả những trường hợp được trả tự do từ các kỳ thống kê trước nhưng trong kỳ thống kê mới có quyết định xử lý hành chính).

- **Dòng 71 (Số người bị bắt giữ được trả tự do không xử lý hành chính):** thống kê số người được trả tự do không bị xử lý hành chính trong kỳ thống kê.

- **Dòng 72 (Số người VKS phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp):** thống kê số người VKS đã ra quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp của CQĐT trong kỳ thống kê.

- **Dòng 73 (Số người VKS không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp):** thống kê số người VKS thấy không có căn cứ để phê chuẩn và ban hành quyết định không phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp của CQĐT trong kỳ thống kê.

- **Dòng 74 (Số người VKS quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp sau đó trả tự do do không có căn cứ pháp luật trong kỳ thống kê):** thống kê số người được trả tự do trong kỳ thống kê mà trước đó bị tạm giữ do VKS có quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp (QĐ phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp của VKS có thể trong kỳ thống kê hoặc kỳ thống kê trước nhưng được trả tự do trong kỳ thống kê).

- **Dòng 75 (Số người không xử lý hành chính):** phân tổ theo số người VKS quyết định phê chuẩn lệnh bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp sau đó trả tự do do không có căn cứ pháp luật và không bị xử lý hành chính của Dòng 74.

- **Dòng 76 (Số người VKS huỷ bỏ quyết định tạm giữ):** thống kê số người VKS huỷ bỏ quyết định tạm giữ khi thấy không có căn cứ hoặc không cần thiết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 77 (Số người VKS không phê chuẩn gia hạn tạm giữ (lần thứ nhất, thứ 2)):** thống kê số người VKS không phê chuẩn quyết định gia hạn tạm giữ của CQĐT không phân biệt gia hạn lần thứ nhất hay lần thứ hai trong kỳ thống kê.

- **Dòng 78 (Số người VKS phê chuẩn gia hạn tạm giữ sau đó trả tự do vì không phạm tội):** thống kê số người được trả tự do trong kỳ thống kê mà trước đó VKS ra quyết định phê chuẩn gia hạn tạm giữ của CQĐT (quyết định phê chuẩn gia hạn tạm giữ của VKS có thể trong kỳ thống kê hoặc kỳ thống kê trước).

- **Dòng 79 (Số người không xử lý hành chính (không vi phạm pháp luật)):** phân tổ của Dòng 78.

- **Dòng 80 (Số bị can VKS yêu cầu CQĐT bắt tạm giam):** thống kê số bị can VKS có công văn yêu cầu CQĐT bắt tạm giam.

- **Dòng 81 (Số bị can CQĐT đã bắt tạm giam theo yêu cầu của VKS):** thống kê số bị can CQĐT đã bắt tạm giam theo yêu cầu của VKS (tính cả những trường hợp VKS yêu cầu bắt tạm giam từ các kỳ thống kê trước nhưng trong kỳ thống kê CQĐT mới bắt được bị can để tạm giam).

- **Dòng 82/ 83 (Số bị can VKS gia hạn tạm giam để điều tra/ Số bị can VKS gia hạn tạm giam để truy tố):** thống kê số bị can bị VKS gia hạn thời hạn tạm giam ở giai đoạn điều tra và ở giai đoạn truy tố.

- **Dòng 84 (Số bị can bị tạm giam, sau đó trả tự do chuyển xử lý hành chính, xử lý kỷ luật):** thống kê số bị can bị khởi tố điều tra và bị tạm giam nhưng qua kết quả điều tra xác định bị can này không phạm tội nên được cơ quan có thẩm quyền QĐ trả tự do và chuyển xử lý hành chính hoặc xử lý kỷ luật.

- **Dòng 85 (Số bị can tại ngoại nhưng bỏ trốn và phải ra lệnh truy nã):** thống kê số bị can bị khởi tố điều tra, truy tố và không bị áp dụng biện pháp ngăn chặn là tạm giam, sau đó bỏ trốn bị cơ quan có thẩm quyền ra lệnh truy nã.

- **Dòng 86 (Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam):** thống kê số bị can VKS ra quyết định không phê chuẩn lệnh bắt tạm giam trong kỳ thống kê.

- **Dòng 87 (Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh tạm giam (lần 1, 2, 3 và đặc biệt)):** thống kê số bị can VKS ra quyết định không phê chuẩn lệnh tạm giam lần 1, 2, 3 và lần đặc biệt trong kỳ thống kê.

- **Dòng 88 (Số bị can VKS không gia hạn tạm giam):** thống kê số bị can VKS ra quyết định không gia hạn tạm giam trong kỳ thống kê.

- **Dòng 89 (Số bị can VKS quyết định huỷ bỏ biện pháp tạm giam trong kỳ thống kê):** thống kê số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ biện pháp tạm giam do tạm giam trái pháp luật trong kỳ thống kê. Các trường hợp huỷ bỏ do đình chỉ bị can, huỷ bỏ khi thấy không cần thiết hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 90/ 91 (Số bị can phạm tội mới/ Số bị can bỏ trốn):** phân tổ số bị can được VKS huỷ bỏ biện pháp tạm giam sau đó phạm tội mới hoặc bỏ trốn của Dòng 89.

- **Dòng 92 (Số bị can VKS không phê chuẩn lệnh tạm giam hoặc thay đổi BPNC từ tạm giam sang biện pháp khác đã phạm tội mới hoặc bỏ trốn):** thống kê số bị can VKS không phê chuẩn áp dụng BPNC hoặc VKS quyết định thay đổi BPNC từ tạm giam phạm tội mới hoặc bỏ trốn trong kỳ thống kê; tính cả những trường hợp VKS không phê chuẩn áp dụng BPNC hoặc VKS quyết định thay đổi BPNC từ tạm giam thuộc các kỳ thống kê trước nhưng phạm tội mới hoặc bỏ trốn trong kỳ thống kê này.

- **Dòng 93/ 94 (Số bị can phạm tội mới/ Số bị can bỏ trốn):** phân tổ của Dòng 92.

- **Dòng 95 (Số bị can VKS yêu cầu CQĐT truy nã):** thống kê số bị can VKS yêu cầu CQĐT truy nã do bị can bỏ trốn trong kỳ thống kê.

- **Dòng 96 (Số bị can CQĐT đã truy nã theo yêu cầu của VKS):** thống kê số bị can CQĐT đã truy nã do bị can bỏ trốn theo yêu cầu của VKS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 97 (Số bị can được áp dụng biện pháp bảo lãnh để thay thế biện pháp tạm giam):** thống kê số bị can được VKS áp dụng biện pháp bảo lãnh để thay thế biện pháp tạm giam.

- **Dòng 98 (Số bị can VKS không phê chuẩn biện pháp bảo lãnh):** thống kê số bị can VKS không phê chuẩn biện pháp bảo lãnh trong kỳ thống kê.

- **Dòng 99 (Số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp bảo lãnh):** thống kê số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp bảo lãnh do CQĐT áp dụng không có căn cứ và trái pháp luật theo quy định tại Điều 121 BLTTHS trong kỳ thống kê. Trường hợp huỷ bỏ khi thấy không cần thiết hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 100/ 101 (Số bị can được áp dụng biện pháp đặt tiền để bảo đảm để thay thế biện pháp tạm giam/ Số bị can VKS không phê chuẩn biện pháp đặt tiền để bảo đảm):** thống kê số bị can được VKS huỷ bỏ hoặc thay thế biện pháp tạm giam bằng biện pháp đặt tiền để bảo đảm/ thống kê số bị can VKS không phê chuẩn biện pháp đặt tiền để bảo đảm và bị can đó bị áp dụng biện pháp tạm giam.

- **Dòng 102 (Số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp đặt tiền để bảo đảm):** thống kê số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ biện pháp đặt tiền để bảo đảm do CQĐT áp dụng không có căn cứ và trái pháp luật theo quy định tại Điều 122 BLTTHS trong kỳ thống kê. Trường hợp huỷ bỏ khi thấy không cần thiết hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 103 (Số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú):** thống kê số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú do CQĐT áp dụng không có căn cứ và trái pháp luật theo quy định tại Điều 123 BLTTHS trong kỳ thống kê. Trường hợp huỷ bỏ khi thấy không cần thiết hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 104 (Số bị can VKS huỷ bỏ biện pháp tạm hoãn xuất cảnh):** thống kê số bị can VKS ra quyết định huỷ bỏ biện pháp tạm hoãn xuất cảnh do CQĐT áp dụng không có căn cứ và trái pháp luật theo quy định tại Điều 124 BLTTHS trong kỳ thống kê. Trường hợp huỷ bỏ khi thấy không cần thiết hoặc thay thế bằng biện pháp ngăn chặn khác thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 105 (Số người, bị can, bị cáo bị áp dụng biện pháp cưỡng chế):** thống kê số người, bị can, bị cáo bị CQĐT, VKS, Tòa án áp dụng các biện pháp cưỡng chế gồm: Áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản trong kỳ thống kê.

- **Dòng 106/ 107/ 108/ 110 (Trong đó: Số người bị áp dụng biện pháp áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản):** thống kê số người, bị can, bị cáo bị CQĐT, VKS, Tòa án áp dụng cụ thể các biện pháp cưỡng chế gồm: Áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản trong kỳ thống kê.

- **Dòng 109 (Số bị can, bị cáo là pháp nhân thương mại):** phân tổ theo số bị can, bị cáo bị áp dụng biện pháp kê biên tài sản là pháp nhân của Dòng 108.

- **Dòng 111 (Số bị can, bị cáo là pháp nhân thương mại):** phân tổ theo số bị can, bị cáo bị áp dụng biện pháp phong tỏa tài khoản là pháp nhân của Dòng 110.

- **Dòng 112 (Số người, bị can, bị cáo được cơ quan có thẩm quyền hủy bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản):** thống kê số người, bị can, bị cáo bị CQĐT, VKS, Tòa án hủy bỏ biện pháp kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản (Điều 130 BLTTHS).

- **Dòng 113 (Số bị can, bị cáo là pháp nhân):** phân tổ số bị can, bị cáo là pháp nhân được hủy bỏ các biện pháp cưỡng chế của Dòng 112.

- **Dòng 114 (Số người, bị can, bị cáo bị CQĐT, Tòa án áp dụng biện pháp cưỡng chế nhưng không thông báo cho VKS trước khi thi hành):** thống kê số người, bị can, bị cáo bị CQĐT, Tòa án áp dụng các biện pháp cưỡng chế gồm: Áp giải, dẫn giải, kê biên tài sản, phong tỏa tài khoản nhưng không thông báo cho VKS trước khi thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 128 (kê biên tài sản) và khoản 2 Điều 129 BLTTHS (phong tỏa tài khoản) trong kỳ thống kê.

- **Dòng 115/ 123 (Số vụ án/ Số bị can còn lại của kỳ trước):** thống kê số vụ án/ số bị can mà CQĐT, Hội đồng xét xử và của VKS đã khởi tố ở kỳ thống kê trước còn phải tiếp tục điều tra trong kỳ thống kê này, bao gồm:

+ Những vụ án/ bị can có quyết định khởi tố thuộc các kỳ thống kê trước chưa kết thúc điều tra chuyển sang kỳ thống kê này để tiếp tục điều tra;

+ Những vụ án/ bị can có quyết định khởi tố nhưng đình chỉ điều tra thuộc các kỳ thống kê trước, kỳ thống kê này được phục hồi điều tra;

- **Dòng 116/ 124 (Số vụ án/ số bị can mới nhận để điều tra lại):** thống kê số vụ án/ số bị can (bị cáo) khởi tố ở các kỳ thống kê trước bị Tòa án cấp phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm tuyên hủy bản án và chuyển lại hồ sơ cho CQĐT để tiến hành điều tra lại theo quy định của pháp luật.

- **Dòng 117/ 125 (Số vụ án/ Số bị can mới nhận để điều tra bổ sung):** thống kê số vụ án/ số bị can (bị cáo) bị Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Tòa án sơ thẩm QĐ trả hồ sơ lại cho CQĐT để điều tra bổ sung trong kỳ thống kê.

- **Dòng 118/ 126 (Số vụ án/ số bị can được tách ra từ vụ án khác):** thống kê số vụ án/ số bị can được cơ quan có thẩm quyền tách từ các vụ án khởi tố từ các kỳ thống kê trước để điều tra thành một vụ án khác.

- **Dòng 119/ 127 (Số vụ án/ số bị can nhập vào vụ án khác):** thống kê số vụ án/ số bị can mới bị khởi tố trong kỳ thống kê nay nhập vào vụ án khác để tiến hành điều tra theo thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

- **Dòng 120/ 128 (Số vụ án/ Số bị can tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ):** thống kê số vụ án/ số bị can đã tạm đình chỉ ở các kỳ thống kê trước được phục hồi điều tra trong kỳ thống kê. Những vụ án/ bị can có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các dòng này.

- **Dòng 121/ 129 và Dòng 122/ 130 (Số đã có kết quả trưng cầu giám định và Số đã có kết quả tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài):** phân tổ số đã có kết quả trưng cầu giám định và Số đã có kết quả tương trợ tư pháp về hình sự của nước ngoài của Dòng 120 và Dòng 128.

- **Dòng 131/ 136 (Số vụ án/ bị can mới khởi tố):** thống kê số vụ án/ số bị can có quyết định khởi tố trong kỳ thống kê, bao gồm:

+ Những vụ án/ bị can mới khởi tố trong kỳ thống kê;

+ Những vụ án/ bị can được tách từ các vụ án/ bị can mới khởi tố trong kỳ thống kê.

***Lưu ý:** Những bị can khởi tố thuộc các vụ án mới là những trường hợp có quyết định khởi tố bị can của CQĐT đã được VKS phê chuẩn trong kỳ thống kê, tính cả những bị can CQĐT khởi tố ở các kỳ thống kê trước nhưng có quyết định phê chuẩn của VKS ở kỳ thống kê này; những bị can do VKS ban hành quyết định khởi tố trong kỳ thống kê. Những bị can CQĐT khởi tố chưa có quyết định phê chuẩn của VKS thì không thống kê vào dòng này.*

- **Dòng 132/ 137 (Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng):** phân tổ theo số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng của Dòng 131 và Dòng 136.

- **Dòng 133/ 138 (Số vụ án/ số bị can là pháp nhân thương mại):** phân tổ theo số vụ án/ số bị can là pháp nhân của Dòng 131 và Dòng 136.

- **Dòng 134/ 139 (Số vụ án/ số bị can áp dụng thủ tục rút gọn):** phân tổ theo số vụ án/ số bị can áp dụng thủ tục rút gọn của Dòng 131 và Dòng 136.

- **Dòng 135/ 140 (Số vụ án/ số bị can của vụ án xác định trọng điểm):** thống kê số vụ án được các cơ quan tiến hành tố tụng xác định là vụ án trọng điểm trong tổng số vụ án mới khởi tố trong kỳ thống kê.

- **Dòng 141 (Số bị can có người bào chữa):** thống kê số bị can có người bào chữa trong tổng số bị can mới khởi tố trong kỳ thống kê.

- **Dòng 142/ 143/ 144 (Luật sư, bào chữa viên nhân dân, trợ giúp viên pháp lý):** phân tổ theo người bào chữa của Dòng 141.

- **Dòng 145/ 146 (Số vụ án/ Số bị can nơi khác chuyển đến):** thống kê số vụ án/ số bị can do nơi khác chuyển đến để điều tra theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 147/ 148 (Số vụ án/ bị can chuyển đi nơi khác):** thống kê số vụ án/ số bị can chuyển đi nơi khác để điều tra theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 149/ 152 (Tổng số vụ án/ bị can CQĐT thụ lý điều tra):** thống kê số vụ án/ số bị can CQĐT thụ lý giải quyết trong kỳ thống kê, bao gồm: Số vụ án/ bị can mới nhận để điều tra lại + Số vụ án/ bị can mới nhận lại để điều tra bổ sung + Số vụ án/ bị can được tách ra từ vụ án khác + Số vụ án/ số bị can còn lại của kỳ trước + Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ phục hồi trong kỳ thống kê + Số vụ án/ số bị can mới khởi tố + Số vụ án/ số bị can nơi khác chuyển đến - Số vụ án/ số bị can chuyển đi nơi khác - Số vụ án/ bị can được nhập vào vụ án khác.

- **Dòng 150/ 153 (Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng):** thống kê số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng trong tổng số vụ án, bị can CQĐT thụ lý điều tra.

- **Dòng 151/ 154 (Số vụ án/ Số bị can xác định trọng điểm):** thống kê số vụ án/ số bị can xác định trọng điểm trong tổng số vụ án, bị can CQĐT thụ lý điều tra.

Lưu ý: Tiêu chí Dòng này là tổng số, bao gồm cả số vụ án/ bị can xác định trọng điểm mới trong số vụ án/ bị can mới khởi tố (Dòng 135/ 140) và số vụ án/ bị can đã khởi tố ở kỳ thống kê trước, đến kỳ thống kê này (sau) mới xác định trọng điểm thì vẫn thống kê vào Dòng này.

- **Dòng 155/ 161 (Số vụ án/ Số bị can đề nghị truy tố):** thống kê số vụ án/ số bị can có bản Kết luận điều tra ban hành trong kỳ thống kê và có biên bản bàn giao sang VKS để truy tố theo thẩm quyền. Nếu có bản kết luận điều tra ban hành trong kỳ thống kê nhưng chưa có biên bản bàn giao sang VKS thì không thống kê.

- **Dòng 156/ 162 và Dòng 158/ 164 (Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng; Số vụ án/ Số bị can của vụ án xác định trọng điểm):** thống kê số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng; số vụ án/ số bị can xác định trọng điểm trong tổng số vụ án/ số bị can đề nghị truy tố trong kỳ thống kê.

- **Dòng 157/ 163 (Số vụ án/ số bị can là pháp nhân thương mại):** phân tổ số vụ án có bị can là pháp nhân phạm tội/ số bị can là pháp nhân của Dòng 155 và Dòng 161.

- **Dòng 159/ 165 (Số vụ án/ Số bị can đã đề nghị truy tố ở kỳ thống kê trước (do trả để ĐTBS):** thống kê số vụ án/ số bị can có bản Kết luận điều tra và có biên bản bàn giao sang VKS để truy tố theo thẩm quyền từ các kỳ thống kê trước nay đã kết thúc điều tra bổ sung đề nghị truy tố và đã chuyển hồ sơ cho VKS để truy tố theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 166/ 167 (Số bị can khi phạm tội là đảng viên/ Số đảng viên giữ chức vụ quản lý):** phân tổ số bị can khi phạm tội là đảng viên trong số vụ án/ số bị can đề nghị truy tố của Dòng 161 và phân tổ thêm số đảng viên giữ chức vụ quản lý từ Phó Trưởng phòng, Phó bí thư đảng ủy hoặc tương đương trở lên mới thống kê vào Dòng 167.

- **Dòng 160/ 168 (Số vụ án/ Số bị can quá thời hạn điều tra):** phân tổ số vụ án/ số bị can đã quá thời hạn điều tra nay đã kết thúc điều tra đề nghị truy tố trong kỳ thống kê và có biên bản bàn giao sang VKS để truy tố theo thẩm quyền.

- **Dòng 169/ 176 (Số vụ án/ Số bị can CQĐT đình chỉ điều tra):** thống kê số vụ án, bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê.

- **Dòng 170/ 177 (Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng):** thống kê số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng được CQĐT đình chỉ điều tra trong tổng số số vụ án/ Số bị can CQĐT đình chỉ điều tra.

- **Dòng 171/ 178 (Số vụ án/ số bị can là pháp nhân thương mại):** phân tổ số vụ án có phân tổ số vụ án có bị can là pháp nhân phạm tội/ số bị can là pháp nhân trong số vụ án/ số bị can CQĐT đình chỉ điều tra của Dòng 169 và Dòng 176.

- **Dòng 172/ 179 (Số vụ án/ Số bị can VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung nhưng sau đó đình chỉ điều tra):** phân tổ số vụ án/ số bị can VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung có QĐ đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê của Dòng 169 và Dòng 176 (tính cả những trường hợp vụ án trả hồ sơ từ các kỳ thống kê trước nhưng có quyết định đình chỉ trong kỳ thống kê này).

- **Dòng 173/ 191 (Số vụ án/ số bị can đình chỉ vì hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được tội phạm):** phân tổ số vụ án/ số bị can đình chỉ điều tra vì hết thời hạn điều tra mà không chứng minh được tội phạm theo quy định tại điểm b K1 Điều 230 BLTTHS trong số vụ án/ số bị can CQĐT đình chỉ điều tra của Dòng 169 và Dòng 176.

- **Dòng 174/ 192 (Số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng):** phân tổ theo số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng của Dòng 173 và Dòng 191.

- **Dòng 175/ 198 (Số vụ án/ số bị can đình chỉ điều tra do trước đó đã ra QĐ tạm đình chỉ điều tra, nay xác định bị can đã chết hoặc hết thời hiệu truy cứu TNHS):** phân tổ số vụ án/ số bị can mà CQĐT đã ban hành QĐ đình chỉ điều tra ở các kỳ thống kê trước, nay xác định bị can đã chết hoặc hết thời hiệu truy cứu TNHS nên CQĐT ban hành QĐ đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê trong số vụ án/ số bị can CQĐT đình chỉ điều tra của Dòng 169 và Dòng 176 (số liệu ở Dòng 198 không bao gồm số liệu tại Dòng 186 và Dòng 188).

- **Dòng 180 (Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội):** phân tổ số bị can CQĐT đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê thuộc trường hợp Tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội theo Điều 16 BLHS của Dòng 176.

- **Dòng 181 (Do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố hoặc người đại diện của bị hại rút đơn yêu cầu):** phân tổ số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra do bị hại rút đơn yêu cầu khởi tố hoặc người đại diện của bị hại rút đơn yêu cầu theo K2 Điều 155 BLTTHS trong tổng số bị can CQĐT đình chỉ điều tra của Dòng 176.

- **Dòng 182 (Số bị can đình chỉ do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm):** phân tổ số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra vì không phạm tội khi có lý do đình chỉ căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 157 BLTTHS trong tổng số bị can CQĐT đình chỉ điều tra của Dòng 176 (các trường hợp kết luận, xác định bị tâm thần tại thời điểm phạm tội thì không thống kê vào Dòng này).

- **Dòng 183 (Số bị can phạm tội tham nhũng):** phân tổ số bị can phạm tội tham nhũng CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm trong tổng số CQĐT đình chỉ điều tra quy định tại Dòng 182.

- **Dòng 184/ 185 (Người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu TNHS/ Người mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc QĐ đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật):** phân tổ số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra do hành vi nguy hiểm cho xã hội chưa đến tuổi chịu TNHS theo K3 Điều 157 BLTTHS/ số bị can mà hành vi phạm tội của họ đã có bản án hoặc QĐ đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật theo K4 Điều 157 BLTTHS trong số bị can CQĐT đình chỉ của Dòng 176.

- **Dòng 186 (Đã hết thời hiệu truy cứu TNHS):** phân tổ số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra do đã hết thời hiệu truy cứu TNHS theo K6 Điều 157 BLTTHS trong số bị can CQĐT đình chỉ của Dòng 176.

- **Dòng 187 (Tội phạm đã được đại xá):** phân tổ số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra do tội phạm đã được đại xá theo K5 Điều 157 BLTTHS trong số bị can CQĐT đình chỉ của Dòng 176.

- **Dòng 188 (Số bị can đình chỉ điều tra do bị can chết):** phân tổ số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra khi trong giai đoạn điều tra mà bị can chết trong tổng số bị can CQĐT đình chỉ điều tra của Dòng 176 (số liệu ở này không bao gồm số liệu tại Dòng 198).

- **Dòng 189 (Bị can mắc bệnh tâm thần):** thống kê số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra khi cơ quan có thẩm quyền giám định kết luận bị can đó mắc bệnh tâm thần trong tổng số bị can CQĐT đình chỉ điều tra của Dòng 96 (số liệu ở này không bao gồm số liệu tại Dòng 176).

- **Dòng 190 (Số bị can đình chỉ điều tra theo Khoản 2 Điều 91 BLHS):** phân tổ số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra có lý do đình chỉ là: Người dưới 18 tuổi phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khắc phục hậu quả... trong tổng số bị can CQĐT đình chỉ điều tra của Dòng 176.

- **Dòng 193/ 195/196 (Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Điều 29 BLHS/ Đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 29 BLHS/ Đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Điều 29 BLHS):** phân tổ số bị can CQĐT ra quyết định đình chỉ điều tra có lý do đình chỉ căn cứ vào khoản 1, 2, 3 Điều 29 BLHS như: Do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa...; do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa...; người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự trong tổng số bị can CQĐT đình chỉ điều tra của Dòng 176.

- **Dòng 194/ 196 (Số bị can phạm tội tham nhũng):** thống kê số bị can phạm tội tham nhũng CQĐT ra quyết định đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1, 2 Điều 29 Bộ luật Hình sự của Dòng 193 và Dòng 195.

- **Dòng 199/ 204 (Số vụ án/ Số bị can CQĐT tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê):** thống kê số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê (những vụ án/ bị can có quyết định tạm đình chỉ nhưng quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào 2 dòng này).

- **Dòng 200/ 205 (Số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng):** phân tổ theo số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng của Dòng 199 và Dòng 204.

- **Dòng 201/ 206 (Số vụ án/ số bị can là pháp nhân thương mại):** phân tổ theo số vụ án/ số bị can phạm tội là pháp nhân của Dòng 199 và Dòng 204.

- **Dòng 202/ 207 (Khi không xác định/ không biết rõ bị can đang ở đâu nhưng đã hết thời hạn điều tra vụ án):** phân tổ theo số vụ án/ số bị can bỏ trốn của Dòng 199 và Dòng 204.

- **Dòng 203/ 209 (Khi trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn điều tra):** phân tổ theo số vụ án/ số bị can khi trưng cầu giám định, yêu cầu định giá tài sản, yêu cầu nước ngoài tương trợ tư pháp chưa có kết quả nhưng đã hết thời hạn điều tra của Dòng 199 và Dòng 204.

- **Dòng 208 (Khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can bị bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo nhưng đã hết thời hạn điều tra):** phân tổ theo số bị can khi có kết luận giám định tư pháp xác định bị can mắc bệnh tâm thần hoặc bệnh hiểm nghèo nhưng đã hết thời hạn điều tra của Dòng 204.

- **Dòng 210/ 211 (Tổng số vụ án/ Số bị can CQĐT tạm đình chỉ điều tra đến cuối kỳ thống kê):** thống kê số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê và các kỳ thống kê trước (không tính các trường hợp đã được phục hồi điều tra).

Lưu ý: Để quản lý chặt chẽ các trường hợp tạm đình chỉ của CQĐT, các đơn vị cần kiểm tra công thức:

Tổng số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra tính đến cuối kỳ thống kê = Tổng số vụ án/ số bị can CQĐT ra quyết định tạm đình chỉ điều tra tính đến cuối kỳ thống kê trước - Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ điều tra phục hồi điều tra trong kỳ thống kê - Số vụ án/ số bị can đình chỉ điều tra do trước đó đã ra QĐ tạm đình chỉ điều tra, nay xác định bị can đã chết hoặc hết thời hiệu truy cứu TNHS (Đình chỉ thẳng không có quyết định phục hồi) + Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê

- **Dòng 212/ 215 (Số vụ án/ Số bị can còn lại chưa kết thúc điều tra):** thống kê số vụ án/ số bị can đến cuối kỳ thống kê chưa có quyết định giải quyết của CQĐT như: kết thúc điều tra, đình chỉ hoặc tạm đình chỉ.

- **Dòng 213/ 216 (Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng):** phân tổ Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng trong số vụ án/ số bị can còn lại chưa kết thúc điều tra tính đến cuối kỳ thống kê của Dòng 212 và Dòng 215.

- **Dòng 214 (Số vụ án chưa kết thúc điều tra đã quá hạn luật định):** thống kê số vụ án chưa kết thúc điều tra đã quá thời hạn luật định tính cuối kỳ thống kê của Dòng 212.

- **Dòng 217 (Số bị can CQĐT huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can):** thống kê số bị can mà CQĐT ra quyết định huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can trong kỳ thống kê.

- **Dòng 218 (Số bị can CQĐT huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can):** thống kê số bị can mà CQĐT ra quyết định huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can trong kỳ thống kê.

- **Dòng 219/ 220 (Số vụ án/ Số bị can VKS huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra vụ án/ bị can của CQĐT):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra đối với vụ án và quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can của CQĐT do quyết định đình chỉ của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 221/ 222 (Số bị can đình chỉ do miễn TNHS/ Số bị can đình chỉ do theo K2 Điều 91 BLHS):** phân tổ số bị can đình chỉ do miễn TNHS theo Điều 29 BLHS/ Số bị can đình chỉ do theo K2 Điều 91 BLHS (người dưới 18 tuổi phạm tội ít nghiêm trọng, nghiêm trọng có nhiều tình tiết giảm nhẹ, tự nguyện khắc phục hậu quả...) trong số bị can VKS huỷ bỏ quyết định đình chỉ điều tra đối với bị can của CQĐT của Dòng 220.

- **Dòng 223/ 224 (Số vụ án/ Số bị can VKS huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án/ bị can của CQĐT):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS huỷ bỏ quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với vụ án và quyết định tạm đình chỉ điều tra đối với bị can của CQĐT do quyết định tạm đình chỉ của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 225 (Số vụ án VKS huỷ bỏ quyết định tách; nhập vụ án hình sự của CQĐT):** thống kê số vụ án VKS huỷ bỏ quyết định tách; nhập vụ án hình sự của CQĐT do quyết định tách, nhập vụ án hình sự của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 226 (Số vụ án VKS huỷ bỏ việc áp dụng thủ tục rút gọn):** thống kê số vụ án VKS huỷ bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn của CQĐT do không đúng pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 227/ 228 (Số lần VKS phê chuẩn/ không phê chuẩn lệnh khám xét):** thống kê số lần VKS phê chuẩn/ không phê chuẩn lệnh khám xét đối với bị can của CQĐT do lệnh khám xét của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 229/ 230 (Số lần VKS phê chuẩn/ không phê chuẩn lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông):** thống kê số lần VKS phê chuẩn/ không phê chuẩn lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm tại cơ quan, tổ chức bưu chính, viễn thông đối

với bị can của CQĐT do lệnh thu giữ của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 231 (Số lần VKS huỷ bỏ quyết định xử lý vật chứng của CQĐT):** thống kê số lần VKS huỷ bỏ quyết định xử lý vật chứng của CQĐT do quyết định xử lý vật chứng của CQĐT không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 232 (Số vụ án CQĐT quyết định trưng cầu giám định):** thống kê số vụ án CQĐT quyết định trưng cầu giám định trong kỳ thống kê.

- **Dòng 233 (Số lần CQĐT ra quyết định trưng cầu giám định theo yêu cầu của VKS):** thống kê số lần CQĐT ra quyết định trưng cầu giám định theo yêu cầu của VKS bao gồm cả trường hợp VKS yêu cầu CQĐT ra quyết định trưng cầu giám định ở kỳ thống kê trước nhưng kỳ thống kê này CQĐT mới ra quyết định trưng cầu giám định.

- **Dòng 234 (Số lần VKS yêu cầu CQĐT trưng cầu giám định pháp y):** thống kê số lần VKS yêu cầu CQĐT trưng cầu giám định pháp y trong kỳ thống kê.

- **Dòng 235 (Số lần CQĐT ra quyết định trưng cầu giám định pháp y theo yêu cầu của VKS):** thống kê số lần CQĐT ra quyết định trưng cầu giám định pháp y theo yêu cầu của VKS bao gồm cả trường hợp VKS yêu cầu CQĐT ra quyết định trưng cầu giám định pháp y ở kỳ thống kê trước nhưng kỳ thống kê này CQĐT mới ra quyết định trưng cầu giám định pháp y.

- **Dòng 236 (Số vụ án áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt):** thống kê số vụ án mà trong quá trình điều tra CQĐT áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử trong kỳ thống kê.

- **Dòng 237/ 238/ 239 (Ghi âm, ghi hình bí mật/ Nghe điện thoại bí mật/ Thu thập bí mật dữ liệu điện tử):** phân tổ số vụ án mà trong quá trình điều tra CQĐT áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử trong kỳ thống kê.

- **Dòng 240 (Số vụ án VKS không phê chuẩn áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt):** thống kê số vụ án mà trong quá trình điều tra CQĐT đề nghị VKS phê chuẩn áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử nhưng VKS quyết định không phê chuẩn do việc đề nghị phê chuẩn việc áp dụng không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 241/ 242/ 243 (Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử):** phân tổ số vụ án mà trong quá trình điều tra CQĐT đề nghị VKS phê chuẩn áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt gồm: Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật

dữ liệu điện tử nhưng VKS quyết định không phê chuẩn do việc đề nghị phê chuẩn việc áp dụng không có căn cứ và trái pháp luật trong kỳ thống kê.

- **Dòng 244 (Số vụ án VKS huỷ bỏ việc áp dụng biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt):** thống kê số vụ án VKS huỷ bỏ việc áp dụng các biện pháp điều tra tố tụng đặc biệt (Ghi âm, ghi hình bí mật; nghe điện thoại bí mật; thu thập bí mật dữ liệu điện tử) do có căn cứ quy định tại Điều 228 BLTTHS như: Có đề nghị bằng văn bản của Thủ trưởng CQĐT có thẩm quyền, có vi phạm trong quá trình áp dụng...; không cần thiết áp dụng... trong kỳ thống kê.

- **Dòng 245 (Số vụ án VKS trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong giai đoạn điều tra):** thống kê số vụ án VKS trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong giai đoạn điều tra trong trường hợp để kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ khi xét phê chuẩn lệnh, QĐ của CQĐT... theo K7 Điều 165 BLTTHS.

- **Dòng 246/247 (Số vụ án VKS trực tiếp tiến hành đối chất/ thực nghiệm điều tra):** phân tổ số vụ án VKS trực tiếp tiến hành đối chất/ thực nghiệm điều tra của Dòng 245.

- **Dòng 248/ 250 (Số vụ án/ Số bị can còn lại của kỳ trước):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS đã thụ lý ở giai đoạn truy tố ở các kỳ thống kê trước nhưng chưa giải quyết chuyển sang kỳ thống kê này, bao gồm:

+ Những vụ án/ bị can còn lại kỳ thống kê trước chưa giải quyết chuyển sang kỳ thống kê này;

+ Những vụ án/ bị can nhận từ nơi khác chuyển đến để giải quyết theo thẩm quyền mà nơi chuyển đã thụ lý ở kỳ thống kê trước;

+ Những vụ án/ bị can VKS quyết định đình chỉ ở kỳ thống kê trước, nay được phục hồi để giải quyết trong kỳ thống kê;

+ Những vụ án/ bị can Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung, VKS đã thụ lý ở các kỳ thống kê trước, hồ sơ còn ở VKS chưa chuyển Tòa án.

- **Dòng 249/ 251 (Số vụ án/ Số bị can tạm đình chỉ phục hồi để truy tố trong kỳ):** thống kê số vụ án/ số bị can đã tạm đình chỉ ở các kỳ thống kê trước được phục hồi để giải quyết trong kỳ thống kê. Những vụ án/ bị can có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các dòng này.

- **Dòng 252/ 258 (Số vụ án/ Số bị can mới thụ lý):** thống kê số vụ án/ bị can CQĐT đã kết thúc điều tra và bàn giao hồ sơ sang VKS thụ lý để giải quyết trong kỳ thống kê.

- **Dòng 253/ 259 (Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng):** phân tổ Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng trong số vụ án/ số bị can VKS mới thụ lý của Dòng 252 và Dòng 258.

- **Dòng 254/ 260 (Số vụ án/ Số bị can có người bào chữa):** thống kê số vụ án/ số bị can có người bào chữa trong kỳ thống kê trong tổng vụ án/ số bị can VKS mới thụ lý.

- **Dòng 255/ 256/ 257 (Luật sư/ bào chữa viên nhân dân/ trợ giúp viên pháp lý):** phân tổ người bào chữa theo số vụ án của Dòng 254.

- **Dòng 261/ 262/ 263 (Luật sư/ bào chữa viên nhân dân/ trợ giúp pháp lý):** phân tổ người bào chữa theo số bị can của Dòng 260.

- **Dòng 264/ 266 (Số vụ án/ Số bị can nơi khác chuyển đến):** thống kê số vụ án/ số bị can do nơi khác chuyển đến cơ quan VKS để giải quyết theo thẩm quyền trong kỳ thống kê (số liệu này không bao gồm số vụ án/ số vụ án do VKS cấp trên phân công THQCT và KSXX sơ thẩm).

- **Dòng 265/ 267 (Số vụ án/ Số bị can nhận từ nơi khác chuyển đến để truy tố theo thẩm quyền):** phân tổ số vụ án/ số bị can nhận từ nơi khác chuyển đến để truy tố theo thẩm quyền (nhận của VKS khác cùng cấp, cùng địa phương hoặc khác địa phương) theo quy định tại Điều 239 BLTTHS trong kỳ thống kê của Dòng 264 và Dòng 266 (số liệu này không bao gồm số vụ án/ số vụ án nhận để truy tố theo thẩm quyền của cùng cấp).

- **Dòng 268/ 269 (Số vụ án/ Số bị can chuyển đi nơi khác):** thống kê số vụ án/ số bị can chuyển đi nơi khác để giải quyết theo thẩm quyền trong kỳ thống kê.

- **Dòng 270/ 273 (Tổng số vụ án/ Số bị can VKS thụ lý giải quyết):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS thụ lý giải quyết, bao gồm: Số còn lại của kỳ trước + Số tạm đình chỉ được phục hồi trong kỳ + Số mới thụ lý + Số nhận nơi khác chuyển đến - Số chuyển đi nơi khác trong kỳ thống kê (Dòng 248/ 250 + Dòng 249/ 251 + Dòng 252/ 258 + Dòng 264/ 266 - Dòng 268/ 269).

- **Dòng 270/ 274 (Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng):** phân tổ số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng trong tổng số vụ án/ số bị can VKS thụ lý giải quyết của Dòng 270 và Dòng 273.

- **Dòng 272/ 275 (Số vụ án/ Số bị can là pháp nhân phạm tội):** phân tổ số vụ án/ số bị can là pháp nhân phạm tội trong tổng số vụ án/ số bị can VKS thụ lý giải quyết của Dòng 270 và Dòng 273.

- **Dòng 276 (Số vụ án VKS trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra để quyết định việc truy tố):** thống kê số vụ án VKS trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ liên quan đến vụ án để quyết định việc truy tố hoặc khi Toà án yêu cầu điều tra bổ sung mà xét thấy không cần thiết phải trả hồ sơ cho CQĐT theo khoản 3 Điều 236 BLTTHS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 277/ 278/ 279/ 280 (Số vụ án VKS trực tiếp tiến hành hỏi cung bị can/ lấy lời khai người làm chứng/ người bị hại/ nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự và người có quyền lợi liên quan đến vụ án):** phân tổ theo các hoạt động điều tra mà VKS trực tiếp tiến hành của Dòng 276.

- **Dòng 281/ 289 (Số vụ án quyết định truy tố/ Số bị can truy tố):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS ban hành cáo trạng hoặc QĐ truy tố trong kỳ thống kê và có biên bản bàn giao sang Tòa án để xét xử theo thẩm quyền. Nếu cáo trạng truy tố ban hành trong kỳ thống kê nhưng chưa có biên bản bàn giao sang Tòa án trong kỳ thống kê thì không thống kê vào dòng này.

- **Dòng 282/ 290 (Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng):** phân tổ số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng trong tổng số vụ án/ bị can VKS quyết định truy tố của Dòng 281 và Dòng 289.

- **Dòng 283/ 291 (Số vụ án/ Số bị can là pháp nhân thương mại):** phân tổ số vụ án/ số bị can truy tố là pháp nhân trong tổng số vụ án/ số bị can VKS quyết định truy tố của Dòng 281 và Dòng 289.

- **Dòng 284/ 292 (Số vụ án/ Số bị can của vụ án áp dụng theo thủ tục rút gọn):** phân tổ số vụ án/ số bị can của vụ án áp dụng theo thủ tục rút gọn trong tổng số vụ án/ số bị can VKS quyết định truy tố của Dòng 281 và Dòng 289.

- **Dòng 285/ 293 (Số vụ án/ Số bị can của vụ án xác định trọng điểm):** phân tổ số vụ án/ số bị can xác định án trọng điểm trong tổng số vụ án, bị can VKS quyết định truy tố của Dòng 281 và Dòng 289.

- **Dòng 286/ 294 (Số vụ án/ Số bị can đã truy tố ở kỳ thống kê trước (do trả ĐTBs):** phân tổ số vụ án/ số bị can VKS ban hành cáo trạng truy tố và có biên bản bàn giao sang Tòa án nhưng bị Tòa án trả hồ sơ để điều tra bổ sung từ kỳ thống kê trước trong tổng số vụ án, bị can VKS quyết định truy tố.

- **Dòng /173 (Số vụ án/ Số bị can VKS cấp trên phân công VKS cấp dưới THQCT, KSXX sơ thẩm):** phân tổ số vụ án/ số bị can VKS cấp trên phân công VKS cấp dưới THQCT, KSXX sơ thẩm trong tổng số vụ án/ số bị can quyết định truy tố của Dòng 281 và Dòng 289.

- **Dòng 288/ 296 (Số vụ án/ Số bị can quá thời hạn đã quyết định truy tố):** thống kê số vụ án/ số bị can xác định quá thời hạn nhưng nay đã quyết định truy tố và bàn giao hồ sơ sang Tòa án để xét xử theo thẩm quyền trong tổng số vụ án/ số bị can quyết định truy tố của Dòng 281 và Dòng 289.

- **Dòng 297/ 301 (Số vụ án/ Số bị can VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ vụ án/ đình chỉ vụ án đối với bị can):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ vụ án, đình chỉ vụ án đối với bị can trong kỳ thống kê.

- **Dòng 298/ 302 (Số vụ án/ Số bị can phạm tội tham nhũng):** phân tổ số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng được VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ vụ án/ bị can trong tổng số vụ án VKS quyết định đình chỉ của Dòng 297 và Dòng 301.

- **Dòng 299/ 303 (Số vụ án/ Số bị can Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung nhưng sau đó đình chỉ):** phân tổ số vụ án/ số bị can Tòa án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung nhưng sau đó VKS ra quyết định đình chỉ

trong tổng số vụ án, bị can VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ của Dòng 297 và Dòng 301 (có quyết định đình chỉ trong kỳ thống kê, tính cả những trường hợp vụ án trả hồ sơ từ các kỳ thống kê trước nhưng có quyết định đình chỉ trong kỳ thống kê này).

- **Dòng 300/ 321 (Số vụ án/ Số bị can đình chỉ điều tra do trước đó đã ra QĐ tạm đình chỉ điều tra, nay xác định bị can đã chết hoặc hết thời hiệu truy cứu TNHS):** phân tổ số vụ án/ số bị can mà VKS đã ban hành QĐ đình chỉ điều tra ở các kỳ thống kê trước, nay xác định bị can đã chết hoặc hết thời hiệu truy cứu TNHS nên VKS ban hành QĐ đình chỉ điều tra trong kỳ thống kê trong số vụ án/ số bị can VKS đình chỉ điều tra của Dòng 297 và Dòng 301 (số liệu ở Dòng 321 không bao gồm số liệu tại Dòng 312 và Dòng 310).

- **Dòng 304 (Số bị can đình chỉ do tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm):** phân tổ số bị can được VKS đình chỉ do tự ý nửa chừng chấm dứt tội phạm trong tổng số bị can VKS đình chỉ của Dòng 301.

- **Dòng 305 (Do bị hại rút yêu cầu khởi tố hoặc người đại diện của bị hại rút đơn yêu cầu):** phân tổ số bị can VKS ra quyết định đình chỉ do bị hại rút đơn yêu cầu xử lý hình sự theo K2 Điều 155 BLTTHS trong tổng số bị can VKS đình chỉ của Dòng 301.

- **Dòng 306 (Số bị can đình chỉ do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm):** phân tổ số bị can VKS ra quyết định đình chỉ vì không phạm tội có lý do đình chỉ căn cứ vào khoản 1, 2 Đ157 BLTTHS trong tổng số bị can VKS đình chỉ của Dòng 301.

- **Dòng 307 (Số bị can phạm tội tham nhũng):** phân tổ số bị can phạm tội tham nhũng VKS quyết định không truy tố và ra quyết định đình chỉ do không có sự việc phạm tội hoặc hành vi không cấu thành tội phạm quy định tại Dòng 306.

- **Dòng 308/ 309/ 310/ 311/ 312/ (Người thực hiện hành vi phạm tội chưa đến tuổi chịu TNHS/ Người đã có bản án hoặc QĐ đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật/ Đã hết thời hiệu truy cứu TNHS/ Tội phạm đã được đại xá/ Số bị can đình chỉ do bị can chết):** phân tổ số bị can VKS ra quyết định đình chỉ do người thực hiện hành vi phạm tội chưa đến tuổi chịu TNHS/ Người đã có bản án hoặc QĐ đình chỉ vụ án có hiệu lực pháp luật/ Đã hết thời hiệu truy cứu TNHS/ Tội phạm đã được đại xá/ Số bị can chết theo quy định từ K3 đến K7 Điều 155 BLTTHS của Dòng 301 (số liệu ở Dòng 310 và Dòng 312 không bao gồm số liệu tại Dòng 321).

- **Dòng 313 (Bị can mắc bệnh tâm thần):** phân tổ số bị can VKS đình chỉ do mắc bệnh tâm thần của Dòng 301 (số liệu ở Dòng này không bao gồm số liệu tại Dòng 306).

- **Dòng 314 (Số bị can đình chỉ điều tra theo khoản 2 Điều 91 BLHS):** phân tổ số bị can VKS ra quyết định đình chỉ khi có căn cứ: Người dưới 18 tuổi phạm tội có nhiều tình tiết giảm nhẹ, khắc phục hậu quả... trong tổng số bị can VKS đình chỉ điều tra của Dòng 301.

- **Dòng 315 (Số bị can phạm tội tham nhũng):** phân tổ số bị can phạm tội tham nhũng của Dòng 314.

- **Dòng 316/ 318/ 320 (Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 1 Đ29 BLHS/ Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Đ29 BLHS/ Số bị can đình chỉ do được miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 3 Đ29 BLHS)):** phân tổ số bị can VKS ra quyết định đình chỉ khi có căn cứ tại khoản 1, 2, 3 Điều 29 BLHS như: Do có sự thay đổi chính sách, pháp luật làm cho hành vi phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa...; do chuyển biến của tình hình mà người phạm tội không còn nguy hiểm cho xã hội nữa...; người thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng do vô ý gây thiệt hại về tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm hoặc tài sản của người khác và được người bị hại hoặc người đại diện của người bị hại tự nguyện hòa giải và đề nghị miễn trách nhiệm hình sự, thì có thể được miễn trách nhiệm hình sự trong tổng số bị can VKS đình chỉ của Dòng 301.

- **Dòng 317/ 319 (Số bị can phạm tội tham nhũng):** phân tổ số bị can phạm tội tham nhũng được đình chỉ miễn trách nhiệm hình sự theo khoản 1, 2 Điều 29 BLHS trong tổng số bị can phạm tội tham nhũng VKS đình chỉ quy định tại Dòng 316 và Dòng 318.

- **Dòng 322/ 324 (Số vụ án/ Số bị can VKS tạm đình chỉ trong kỳ thống kê):** thống kê số vụ án/ số bị can có QĐ tạm đình chỉ của VKS phát sinh trong kỳ thống kê. Những vụ án/ bị can có quyết định tạm đình chỉ nhưng đã quyết định phục hồi ngay trong kỳ thì không thống kê vào các dòng này.

- **Dòng 323/ 325 (Số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng):** phân tổ số vụ án/ số bị can phạm tội tham nhũng của Dòng 322 và Dòng 324.

- **Dòng 326/ 327 (Tổng số vụ án/ Tổng số bị can VKS tạm đình chỉ đến cuối kỳ thống kê):** thống kê số vụ án, bị can VKS ra quyết định tạm đình chỉ điều tra phát sinh trong kỳ thống kê và các kỳ thống kê trước (không tính các trường hợp đã được phục hồi điều tra).

Lưu ý: Để quản lý chặt chẽ các trường hợp tạm đình chỉ của VKS, các đơn vị cần kiểm tra công thức:

Tổng số vụ án/ số bị can VKS ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê - Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ phục hồi điều tra trong kỳ thống kê + Số vụ án/ số bị can tạm đình chỉ trong kỳ thống kê sẽ bằng Tổng số vụ án/ số bị can VKS ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê (Dòng 326/ 327 của kỳ thống kê trước - Dòng 249/ 251 + Dòng 322/ 324 = Tổng số vụ án/ số bị can VKS ra quyết định tạm đình chỉ tính đến cuối kỳ thống kê là Dòng 326/ 327).

- **Dòng 328/ 330 (Số vụ án/ Số bị can còn lại cuối kỳ chưa giải quyết):** thống kê số vụ án/ số bị can đến cuối kỳ thống kê chưa có quyết định giải quyết (truy tố, đình chỉ, tạm đình chỉ) của VKS.

- **Dòng 329 (Số vụ án chưa giải quyết đã quá thời hạn luật định):** thống kê số vụ án chưa giải quyết đã quá thời hạn luật định.

- **Dòng 331/ 344 (Số vụ án/ Số bị can VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung):** thống kê tổng số vụ án/ số bị can VKS có quyết định trả hồ sơ để CQĐT điều tra bổ sung trong kỳ thống kê (không tính những vụ án/ bị can do Toà án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung).

- **Dòng 332 (Số vụ án phạm tội tham nhũng):** phân tổ số vụ án phạm tội tham nhũng trong số vụ án VKS trả hồ sơ cho CQĐT để điều tra bổ sung của Dòng 331.

- **Dòng 333/ 334/ 335/ 336 (Trong đó: Còn thiếu chứng cứ/ Có căn cứ khởi tố bị can về một tội hay nhiều tội phạm khác/ Có đồng phạm hoặc người phạm tội khác nhưng chưa được khởi tố/ Có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng):** phân tổ và căn cứ vào lý do được quy định tại khoản 1 Điều 245 BLTTHS để thống kê vào các dòng tương ứng.

- **Dòng 337/ 338/ 339 (Do phát sinh tình tiết mới hoặc lý do khác/ Số vụ án VKS phải trả hồ sơ để ĐTBS 2 lần/ trên 2 lần):** phân tổ các lý do trả và số lần trả hồ sơ để ĐTBS để thống kê vào dòng tương ứng trong tổng số hồ sơ vụ án VKS QĐ trả hồ sơ cho CQĐT để ĐTBS của Dòng 331.

- **Dòng 340 (Số vụ án VKS trả hồ sơ cho CQĐT được CQĐT chấp nhận điều tra bổ sung):** thống kê số vụ án VKS có quyết định trả hồ sơ để CQĐT điều tra bổ sung và được CQĐT chấp nhận điều tra bổ sung trong tổng số vụ án VKS có quyết định trả hồ sơ để CQĐT điều tra bổ sung trong kỳ thống kê và kỳ thống kê trước (không tính những vụ án do Toà án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung, chỉ tính số do VKS trả HS để ĐTBS).

- **Dòng 341/ 342 (Số vụ án chấp nhận, sau đó thay đổi quan điểm đề nghị truy tố/ Số vụ án chấp nhận, sau đó có văn bản giữ nguyên quan điểm đề nghị truy tố):** phân tổ của Dòng 340.

- **Dòng 343 (Số vụ án VKS trả hồ sơ cho CQĐT không được CQĐT chấp nhận và có văn bản trả lời giữ nguyên quan điểm đề nghị truy tố):** thống kê số vụ án VKS có quyết định trả hồ sơ để CQĐT điều tra bổ sung nhưng không được CQĐT chấp nhận điều tra bổ sung trong tổng số vụ án VKS có quyết định trả hồ sơ để CQĐT điều tra bổ sung trong kỳ thống kê và kỳ thống kê trước (không tính những vụ án do Toà án trả hồ sơ cho VKS để điều tra bổ sung).

- **Dòng 345 (Số bị can phạm tội tham nhũng):** phân tổ số bị can phạm tội tham nhũng của Dòng 343.

- **Dòng 346/ 348 (Số vụ án/ Số bị can VKS hủy bỏ quyết định đình chỉ vụ án và quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS cùng cấp (Viện trưởng hủy QĐ của Phó Viện trưởng) và VKS cấp dưới ban hành quyết định đình chỉ không có căn cứ và trái pháp luật bị hủy bỏ trong kỳ thống kê.

- **Dòng 347/ 349 (Số bị VKS cấp trên hủy bỏ do QĐ đình chỉ của VKS cấp dưới không có căn cứ hoặc trái pháp luật và yêu cầu điều tra):** phân tổ của Dòng 346 và Dòng 348.

- **Dòng 350/ 351 (Số vụ án/ Số bị can VKS hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ):** thống kê số vụ án/ số bị can VKS cùng cấp (Viện trưởng hủy QĐ của Phó Viện trưởng) và VKS cấp dưới ban hành quyết định tạm đình chỉ không có căn cứ và trái pháp luật bị hủy bỏ trong kỳ thống kê.

- **Dòng 352 (Số bị can được VKS ra QĐ áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh):** thống kê số bị can VKS ra QĐ áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh theo quy định tại Điều 49 BLHS.

- **Dòng 353 (Số lần VKS cấp trên hủy bỏ quyết định áp dụng thủ tục rút gọn):** thống kê số lần VKS cấp dưới ban hành quyết định áp dụng thủ tục rút gọn không có căn cứ và trái pháp luật bị VKS cấp trên hủy bỏ trong kỳ thống kê.

- **Dòng 354 (Số lần VKS cấp trên hủy bỏ lệnh kê biên tài sản):** thống kê số lần VKS cấp dưới ban hành lệnh kê biên tài sản không có căn cứ và trái pháp luật bị VKS cấp trên hủy bỏ trong kỳ thống kê.

- **Dòng 355 (Số lần VKS cấp trên hủy bỏ biện pháp đặt tiền để bảo đảm):** thống kê số lần VKS cấp dưới ban hành biện pháp đặt tiền hoặc tài sản có giá trị để bảo đảm không có căn cứ và trái pháp luật bị VKS cấp trên hủy bỏ trong kỳ thống kê.

- **Dòng 356 (Số bị can VKS cấp trên hủy bỏ quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can):** thống kê số bị can VKS cấp dưới ban hành quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố bị can không có căn cứ và trái pháp luật bị VKS cấp trên hủy bỏ trong kỳ thống kê.

- **Dòng 357 (Số vụ án VKS yêu cầu định giá tài sản):** thống kê số vụ án VKS yêu cầu CQĐT định giá tài sản để làm căn cứ giải quyết vụ án trong kỳ thống kê.

- **Dòng 358 (Số vụ án VKS quyết định trưng cầu giám định):** thống kê số vụ án VKS ban hành quyết định trưng cầu giám định trong kỳ thống kê.

- **Dòng 359 (Số bản kiến nghị của VKS yêu cầu khắc phục vi phạm trong hoạt động điều tra):** thống kê số bản kiến nghị của VKS yêu cầu CQĐT khắc phục vi phạm trong hoạt động điều tra các vụ án hình sự trong kỳ thống kê.

- **Dòng 360/ 361 (Số bản kiến nghị được chấp nhận/ Số bản kiến nghị không được chấp nhận):** phân tổ số bản kiến nghị VKS ban hành yêu cầu CQĐT khắc phục vi phạm trong hoạt động điều tra trong kỳ thống kê và ở các kỳ thống kê trước, nay được CQĐT chấp nhận/ không chấp nhận bằng văn bản của Dòng 359.

Lưu ý: + Đối với Số bản kiến nghị được CQĐT chấp nhận, bao gồm: chấp nhận 1 phần hoặc toàn bộ;

+ Đối với Số bản kiến nghị không được chấp nhận chỉ là không chấp nhận toàn bộ bản kiến nghị đó.

- **Dòng 362 (Số bản VKS yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật):** thống kê số bản VKS yêu cầu, kiến nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý người tham gia tố tụng vi phạm pháp luật theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 237 BLTTHS trong kỳ thống kê.

- **Dòng 363/ 364 (Số bản VKS yêu cầu, kiến nghị được chấp nhận/ Số bản yêu cầu, kiến nghị không được chấp nhận):** phân tổ số yêu cầu, kiến nghị yêu cầu xử lý trong kỳ thống kê và ở các kỳ thống kê trước, nay chấp nhận/ không chấp nhận bằng văn bản của Dòng 362.

Lưu ý: + Đối với Số bản yêu cầu, kiến nghị được chấp nhận, bao gồm: chấp nhận 1 phần hoặc toàn bộ;

+ Đối với Số bản yêu cầu, kiến nghị không được chấp nhận chỉ là không chấp nhận toàn bộ bản yêu cầu, kiến nghị đó.

- **Dòng 365 (Số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật):** thống kê số bản kiến nghị của VKS với cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 237 BLTTHS trong kỳ thống kê.